TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04/2019/KDTM-PT
Ngày: 20/6/2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đăng Thanh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Dũng
Ông Nguyễn Công Đường

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Bà Phạm Mỹ Ngọc - Cán bộ TAND tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đình Nhật - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2019/TLPT-KDTM ngày 15/01/2019 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2018/KDTM-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐ-KDTM ngày 07/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐPT-KDTM ngày 29/3/2019; Thông báo thay đổi ngày xét xử số: 01/2019/TB-KDTM ngày 22/4/2019; Thông báo dời ngày xét xử số: 02/2019/TB-KDTM ngày 15/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐPT-KDTM ngày 05/6/2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần In và Bao bì M**

Địa chỉ: 18 B, phường H, quận T, thành phố M.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Hữu M** – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Thái D**; Địa chỉ: Phòng 702 tòa nhà K, 67 đường N, Quận 1, thành phố M (Văn bản ủy quyền ngày 17/02/2017). Có mặt

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH T**

Địa chỉ: Lô F1, Khu công nghiệp S, xã T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Trương Thị X** – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên, Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H**; Địa chỉ: 44/23 đường B, phường H1, thành phố N. (Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2019). Có mặt

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần In và Bao bì M (Viết tắt là Công ty M) và Công ty TNHH T (Viết tắt là Công ty T) ký hợp đồng mua bán số: 41-HĐ/KD-HĐMB/14 vào ngày 22/5/2014 để mua bán sản phẩm lon kim loại. Trong đó Công ty M là bên bán, Công ty T là bên mua. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã giao hàng đầy đủ theo yêu cầu của Công ty T nhưng Công ty T không thanh toán đầy đủ theo hợp đồng cho công ty M. Công ty M yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền còn nợ (đã được hai bên xác nhận thông qua bảng xác nhận chi tiết số dư công nợ ngày 02/4/2015) là: 352.042.030 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả tính đến ngày 27/11/2018 là: 187.894.325 đồng. Tổng cộng Công ty T còn phải trả cho Công ty M số tiền là: 539.936.355 đồng.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn xác nhận việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa và còn nợ Công ty M số tiền mua hàng là 352.042.030 đồng theo bảng xác nhận nợ ngày 02/4/2015. Lý do Công ty T chưa thanh toán tiền cho Công ty M vì công ty đã xảy ra thiệt hại do sản phẩm mà Công ty M sản xuất không đạt chất lượng. Công ty T không đồng ý trả tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán số tiền 352.042.030 đồng mà Công ty M tạm tính đến ngày 27/11/2018 là 187.894.325 đồng vì thời điểm đối chiếu công nợ ngày 30/6/2015 hai bên xác nhận nợ gốc chứ không đề cập đến việc tính lãi phát sinh chậm trả.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 15/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Do bao bì của Công ty M cung cấp bị rỉ sét, trong thời gian thành phẩm đóng thùng carton nhập kho chờ tiêu thụ, khi xuất hàng bị khách hàng nước ngoài phát hiện thành phẩm đóng trong thùng carton bị rỉ sét đã trả lại, Công ty T tái xuất lại giá thấp hơn ban đầu, các chi phí liên quan đến việc nhập hàng trả lại, chi phí xuất bán lại lô hàng bị trả lại và các chi phí khác có liên quan. Trên cơ sở căn cứ vào khoản 2 Điều 5.1 và khoản 2, 3 Điều 4 của Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 22/5/2014. Công ty T yêu cầu Công ty M phải bồi thường thiệt hại số tiền là 355.241.925 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 27/11/2018 là 62.471.716 đồng, tổng cộng là 62.471.716 đồng, tổng cộng là 417.686.641 đồng, cấn trừ vào số tiền Công ty T còn nợ Công ty M là 352.042.030 đồng.

Người đại diện hợp pháp của Công ty M trình bày: Công ty M giao hàng cho Công ty T và Công ty T đã kiểm tra chất lượng hàng hóa và xác nhận về chất lượng hàng hóa trong các biên bản giao nhận hàng hóa ngày 23/5/2014, ngày 02/6/2014, ngày 07/6/2014 và ngày 21/6/2014. Theo hợp đồng mua bán số: 41-HĐ/KD-HĐMB/14 ngày 22/5/2014 quy định thời hạn khiếu nại về hàng hóa không đủ tiêu chuẩn là 15 ngày kể từ ngày giao hàng, nhưng Công ty T không có khiếu nại và không có phản hồi nào cho Công ty M. Trong hợp đồng tại Điều 5.2 quy định Công ty M không chịu trách nhiệm về hàng hóa đã qua sử dụng, trong trường hợp này, Lon và nắp Lon được Công ty T phát hiện ra việc rỉ sét sau khi đã xuất hàng cho đối tác nước ngoài tức là Lon và nắp Lon đã qua sử dụng nên Công ty M không chịu trách nhiệm. Theo quy định tại Điều 5.2 của Hợp đồng thì Công ty T có trách nhiệm kiểm tra và thử Lon và nắp Lon trước khi đưa vào sản xuất, quá trình này gọi là quá trình thanh trùng trước khi sản xuất. Trên thực tế Lon và nắp Lon được khách hàng nước ngoài phát hiện rỉ sét sau khi nhận hàng, như vậy Lon và năp Lon bị rỉ sét sau khi Công ty T đã sản xuất xong và đưa ra nước ngoài; bởi lẽ, Lon và nắp Lon nếu bị rỉ sét trước khi đưa vào sản xuất thì Công ty T không thể sản xuất thành phẩm. Công ty M khẳng định hàng hóa đã bán cho Công ty T là hoàn toàn đảm bảo chất lượng nên Công ty M không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty T về yêu cầu Công ty M phải bồi thường thiệt hại số tiền 355.241.925 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 27/11/2018 là 62.471.716 đồng, tổng cộng 417.686.641 đồng.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số:01/2018/KDTM-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa đã: Căn cứ vào các Điều 24, 44, 50, 55, 303, 306 Luật thương mại; khoản 4, Điều 72, Điều 147, Điều 200 Luật tố tụng dân sự; Án lệ số: 09/2016/AL ngày 17/10/2016, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH T phải trả cho Công ty Cổ phần In và Bao bì M số tiền: 539.936.355 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu Công ty Cổ phần In và Bao bì M phải bồi thường thiệt hại số tiền: 417.686.641 đồng.

Quy định: Kể từ ngày Công ty Cổ phần In và Bao bì M có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH T chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là 14.5%/năm tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn.

Ngày 30/11/2018 Công ty TNHH T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơn thẩm số: 01/2018/KDTM-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, xác nhận khoản tiền hàng còn nợ là: 352.042.030 đồng. Tuy nhiên, không đồng ý thanh toán lãi suất chậm trả tính từ ngày 02/4/2015 đến ngày 27/11/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 62.471.716 đồng, vì cho rằng Công ty M đã giao lô hàng hóa (gồm lon và nắp lon 307 và lon 603) cho Công ty T không đạt chất lượng do bị rỉ sét, khi xuất hàng bị khách hàng nước ngoài phát hiện hàng bị rỉ sét đã trả lại nên Công ty T tái xuất lại cho khách hàng khác với giá thấp hơn ban đầu, các chi phí liên quan đến việc nhập hàng trả lại, chi phí xuất bán lại lô hàng… gây thiệt hại cho Công ty nên Công ty T có yêu cầu phản tố, buộc Công ty M phải bồi thường thiệt hại với số tiền: 355.241.925 đồng và tiền lãi phát sinh tổng cộng là: 417.686.641 đồng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên cho rằng Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, các đương sự và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về khoản tiền lãi do chậm thanh toán: Giữa các bên Công ty T và Công ty M đã không đàm phán, thương thảo với nhau hoặc mời đơn vị trung gian có chức năng xác định lỗi do bên nào trong việc để lon bị rỉ sét. Cho đến hiện tại lỗi do lon bị rỉ sét trong quá trình sản xuất vẫn chưa được làm rõ, trong khi trước đó vào ngày 14/11/2014 phía Công ty M cũng đã từng phải nhận lại hàng do lỗi của mình. Do đó, không có cơ sở để tính lãi do Công ty T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo như quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty T phải trả lãi do chậm thanh toán tính từ ngày chậm thực hiện cho đến ngày xét xử sơ thẩm lần 2 (ngày 27/11/2018) là thiệt hại cho bị đơn vì vụ án trước đây bị hủy không do lỗi của bị đơn.

Căn cứ khoản 2, Điều 308 BLTTDS đề nghị HĐXX: Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH T, sửa một phần bản án sơ thẩm:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty cổ phần In và bao bì M số tiền hàng còn nợ là 352.042.030 đồng;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty cổ phần In và bao bì M khoản tiền lãi do chậm thanh toán là 187.894.325 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại với số tiền: 355.241.925 đồng và tiền lãi phát sinh tổng cộng là: 417.686.641 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do có kháng cáo của bị đơn đối với toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C nên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng với quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về nợ gốc: Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Công ty T phải trả cho Công ty M số tiền hàng còn nợ là: 352.042.030 đồng là đúng với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng mua bán, phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại.

[2.2] Về thời điểm tính lãi: Theo Điều 5 của Hợp đồng, tại 5.1 quy định "…Bao bì của bên A có hạn sử dụng trong vòng 3 năm kể từ ngày giao hàng…v..v.." (BL 402 đến BL 403). Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên xác nhận ngày 02/7/2015 phía Công ty M đã gởi bảng xác nhận chi tiết số dư công nợ đến 30/6/2015, Công ty T ghi ý kiến chưa thanh toán được tiền hàng cho Công ty M là do lon bị rỉ sét, hàng nằm kho nước ngoài, nên công ty chưa thanh toán được (BL 260 đến BL 272). Mặt khác, phía Công ty M đã gởi đơn khởi kiện lần đầu đến Tòa án nhân dân huyện C vào ngày 23/3/2016 (BL 01 đến BL 32) chứng tỏ các bên chưa tiến hành thanh lý hợp đồng, chưa chính thức chốt công nợ vì bên Công ty T còn yêu cầu cấn trừ tiền hàng do lỗi lon bị rỉ sét, tức là giữa các bên còn có sự tranh chấp với nhau về số tiền phải thanh toán. Do đó, không có cơ sở để tính lãi do Công ty T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn Công ty T phải trả lãi cho Công ty M do chậm thanh toán tính từ ngày 02/4/2015 đến ngày 27/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm lần 2 với số tiền 187.894.325 đồng là không đúng gây thiệt hại cho bị đơn vì vụ án trước đây đã bị hủy không do lỗi của bị đơn.

[2.3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: tại Điều 5.1 của hợp đồng, Công ty M chỉ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty T trong trường hợp lon và nắp lon bị hư hỏng do lỗi của Công ty M. Tuy nhiên, Công ty T khi xuất hàng cho đối tác nước ngoài và phát hiện hàng bị rỉ sét đã trả lại thì lẽ ra Công ty T phải yêu cầu cơ quan chuyên môn tiến hành giám định để xác định nguyên nhân hàng hóa bị rỉ sét ở khâu nào để quy trách nhiệm cho Công ty M. Do đó, không có cơ sở chấp nhận việc Công ty T yêu cầu Công ty M bồi thường thiệt hại với số tiền 417.686.641 đồng là không có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.4] Đối với án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Sửa theo số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 352.042.030 đồng. Nguyên đơn phải chịu đối với số tiền yêu cầu tính lãi không được chấp nhận là: 187.894.325 đồng.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty TNHH T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 50; 306 Luật Thương mại;

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH T, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2018/KDTM-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần In và Bao bì M.

1.2. Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần In và Bao bì M số tiền hàng còn nợ là: 352.042.030 đồng (ba trăm năm mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

1.3 Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần In và Bao bì M về việc buộc Công ty TNHH T phải thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán là: 187.894.325 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần In và Bao bì M phải bồi thường thiệt hại với số tiền 417.686.641 đồng (bốn trăm mười bảy triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi mốt đồng).

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10% quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần In và Bao bì M phải chịu án phí kinh doanh thương mại là: 9.394.716đ (chín triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm mười sáu đồng), nhưng được trừ vào số tiền 10.495.000đ (mười triệu bốn trăm chín

mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2012/0002319 ngày 16/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3.2. Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại là: 17.602.100đ (mười bảy triệu sáu trăm lẽ hai nghìn một trăm đồng) và phần bị bác yêu cầu phản tố là 20.707.466đ (hai mươi triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng), nhưng được trừ vào số tiền 8.880.000đ (tám triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2012/0002725 ngày 27/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Công ty TNHH T còn phải nộp 29.429.566đ (hai mươi chín triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng).

3.3. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn cho Công ty TNHH T 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/0004585 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu Tòa KT, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hữu Đăng Thanh